

Số: 225/2026/QĐST-HNGĐ

Ninh Bình, ngày 15 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 158/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh ngày 02-4-1986; căn cước công dân số 036186014041; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: **Tổ dân phố Đ, phường M, tỉnh Ninh Bình.**

- Bị đơn: Anh **Lê Duy H**, sinh ngày 08-8-1982; căn cước công dân số: 036082009467; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: **Tổ dân phố Đ, phường M, tỉnh Ninh Bình.**

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Phạm Thị T** và anh **Lê Duy H**.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị **Phạm Thị T** và anh **Lê Duy H** có 02 con chung là: **Lê Quang T1**, sinh ngày 21-8-2005, giới tính: nam, số căn cước công dân: 036205007037 và **Lê Quang T2**, sinh ngày 08-10-2012, giới tính: nam, số căn cước công dân: 036212016143. Con **Lê Quang T1** đủ 18 tuổi, đã trưởng thành tự lập nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con **Lê Quang T2**, (giới tính: nam), sinh ngày 08-10-2012, số căn cước công dân: 036212016143 cho chị **Phạm Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Phạm Thị T** và anh **Lê Duy H** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị **Phạm Thị T** và anh **Lê Duy H** tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Phạm Thị T** tự nguyện nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại biên lai số 2769 ngày 03-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Trả lại chị **Phạm Thị T** số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì chị **Phạm Thị T** và anh **Lê Duy H** có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND khu vực 7 – Ninh Bình;
- UBND xã Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình (ĐKKH số 15 ngày 19-9-2004 tại UBND xã Mỹ Thịnh, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cũ);
- Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Nhung